TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/ 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 03/ 01/ 2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Ngọc Lan và ông Nguyễn Hà Giang.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Đào Thị Th; còn vắng mặt anh Nguyễn Văn T (anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T sau một thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, cho đến đầu năm 2006, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong cuộc sống do anh T có tính gia trưởng, vợ chồng lại bất đồng về quan điểm sống, nên dẫn đến nhiều lần đánh cãi chửi nhau. Vì thương con nên chị Th đã nhiều lần tha thứ cho anh T, nhưng anh T vẫn không thay đổi, mà luôn đánh chửi chị. Chị không thể chịu đựng thêm được nữa, nên đến tháng 12 năm 2022, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, kể từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T cho đến nay vợ chồng có bốn người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 18/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 18/10/2006; cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 15/8/2008 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/8/2008 (sinh đôi). Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu N, cháu D và cháu K, hiện đang do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, cháu D và cháu K cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống, chị Th không yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Về con riêng chị và anh T không ai có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Thoa xác định để chị và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận phân chia, do vậy nay ly hôn chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T, hiện tại anh đang có hộ khẩu và cư trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn T, anh T ký nhận văn bản và anh có quan điểm là anh không nhất trí ly hôn với chị Đào Thị Th. Sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để làm việc, nhưng anh T không đến làm việc lần nào. Tòa án tiến hành xác minh thì được biết anh T đi làm ăn tại thời điểm này anh T không có mặt ở địa phương, Tòa án giao văn bản tố tụng cho bố mẹ đẻ của anh T nhưng gia đình từ chối nhận, do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để anh T bảo vệ quyền và lợi tích hợp pháp chính đáng cho mình, nhưng anh T vẫn không giao nộp tài liệu gì. Tòa án đã cùng với chính quyền địa phương đến nhà gặp anh T và giao trực tiếp thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T, nhưng anh đã từ chối nhận và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện không thực hiện về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh T vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị Th xử cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 18/10/2006; cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 15/8/2008 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/8/2008 cho chị Đào Thị Th được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng các

cháu và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung. Về tài sản, chị Th không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị Đào Thị Th là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đào Thị Th đang có quốc tịch Việt Nam, chị Th có hộ khẩu thường trú tại xóm 11, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra chị Đào Thị Th còn mang quốc tịch Lào và theo quốc tịch Lào thì chị Th đăng ký cư trú tại bản Fai, quận Xaysettha, thủ đô Viêng Chăn, của nước Lào. Do công việc buôn bán, nên chị Th mang hai quốc tịch và vẫn thường xuyên đi về và sinh sống tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 14/12/2023 có mặt chị Đào Thị Th, còn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Đào Thị Th có mặt, còn anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Th và anh Nguyễn Văn T đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2006 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do anh T có tính gia trưởng và vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, nên dẫn đến đánh cãi chửi nhau nhiều lần. Song vì các con nên chị Th đã nhiều lần bỏ qua cho anh T, nhưng cuộc sống của vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung nên cuộc sống không có hạnh phúc, do đó đến tháng 12 năm 2022 chị Th và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, do sống không có hạnh phúc nên chị giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào các tài liệu chị Th xuất trình Vi bằng về tin nhắn của anh T cho chị Th, cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị Th và anh T hiện đang sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và anh có quan điểm không nhất trí ly hôn với chị Th, Tòa án đã hai lần Thông báo cho anh T, chị Th về thời gian Tòa án tổ chức phiên hòa giải, nhưng anh T

đều vắng mặt, không tham gia hòa giải, không xuất trình chứng cứ tài liệu gì, nên xét thấy việc anh T vắng mặt thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nên tình cảm giữa anh T và chị Th không còn. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Th xử cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3] Về con: Chị Th và anh T cho đến nay có 04 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 18/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 18/10/2006; cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 15/8/2008 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/8/2008. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu N, cháu D và cháu K, hiện các cháu đang do chị Th nuôi dưỡng, nay chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu và chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Xét yêu cầu của chị Th về nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu D và cháu K đều mong muốn được ở với chị Th. Mặt khác chị Th đang có cửa hàng kinh doanh giấy dép tại Lào, thu nhập ổn định, do vậy cần giao cháu N, cháu D và cháu K cho chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th là phù hợp. Về con riêng chị Th xác định không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Th xác định để tự thỏa thuận nên chị Th không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Th xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 18/10/2006; cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 15/8/2008 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/8/2008 cho chị Đào Thị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đào Thị Th và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Đào Thị Th không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đào Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005703 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung